

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25/4/2019.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đình Văn Châu**;

2. Bà **Phạm Thị Tuấn**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mạnh**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Đại**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 38/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị V, sinh năm 1968; Có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn M, sinh năm 1968; Có mặt.

Đều ở địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương`.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn M kết hôn 1991 trên cơ sở hoàn toàn tự do, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N vào ngày 23/5/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được khoảng mười năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M thường xuyên rượu chè về hành hạ đánh đập chị, chị đã cố gắng chịu đựng để không ảnh hưởng đến các con nhưng càng chịu đựng bao nhiêu thì anh M càng đánh đập chị nhiều hơn. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 10 năm 2018. Chị không chịu đựng được đã ra ngoài khu chuyển đổi

của vợ chồng để ở còn anh M ở nhà trong làng. Vợ chồng sống ly thân từ thời điểm chị bỏ ra khu vực chuyển đổi ở cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được không có biện pháp nào cải thiện được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh M.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Bùi Thị H1, sinh năm 1992, Bùi Thị P, sinh năm 1994, Bùi Thu H2, sinh năm 1997, Bùi Hương G, sinh ngày 09/7/2002. Do cháu H1 đã có gia đình riêng, cháu P, cháu H2 đã trưởng thành, có công việc riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là Bùi Hương G. Chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2019 và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, chung sống như chị V trình bày là đúng. Anh xác định vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như làm kinh tế, anh không chịu đựng được nên có uống rượu và đánh chị V. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào cuối năm 2018. Anh ở nhà trong làng còn chị V ở ngoài khu chuyển đổi của vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị V bỏ ra khu vực chuyển đổi ở cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị V vẫn còn, vẫn có biện pháp để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Chị V khởi kiện ly hôn anh không nhất trí.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 04 con chung là Bùi Thị H1, sinh năm 1992, Bùi Thị P, sinh năm 1994, Bùi Thu H2, sinh năm 1997, Bùi Hương G, sinh ngày 09/7/2002. Do cháu H1 đã có gia đình riêng, cháu P, cháu H2 đã trưởng thành, có công việc riêng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Do chị V có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là Bùi Hương G và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị V vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Bùi Văn M và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con chung là Bùi Hương G, sinh ngày 09/7/2002, chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh Bùi Văn M không nhất trí ly hôn, nhất trí để chị Đoàn Thị V nuôi con

chung là Bùi Hương G và nhất trí với việc chị V không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa xác định Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật nhưng bị đơn cơ bản chấp hành đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị V. Xử cho chị Đoàn Thị V ly hôn anh Bùi Văn M.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Đoàn Thị V tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Bùi Hương G, sinh ngày 09/7/2002. Chấp nhận sự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh Bùi Văn M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Đoàn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Chị Đoàn Thị V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Bùi Văn M. Đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị V và anh Bùi Văn M xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 23/5/1991 có đăng ký kết hôn tại UBND H, huyện N, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cả hai bên đều trình bày do anh M rượu chè về đánh đập chị V. Cả chị V và anh M đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân vào cuối năm 2018 anh ở nhà trong làng, chị V ở ngoài khu chuyển đổi của vợ chồng, không ai quan tâm gì đến ai. Mặt khác, trong thời gian sống ly thân và Tòa án thụ lý giải quyết chị V và anh M không có biện pháp gì cải thiện mối quan hệ vợ chồng.

Trong quá trình làm việc anh M thể hiện quan điểm chị V xin ly hôn anh không nhất trí. Tòa án tiến hành xác minh theo đơn đề nghị của chị Đoàn Thị V về mối quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh M tại UBND xã H, huyện N.

Địa phương cung cấp: Chị Đoàn Thị V và anh Bùi Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt gia đình, anh M thường xuyên uống rượu đánh chửi vợ con. Do mâu thuẫn trầm trọng chị V đã bỏ ra khu chuyển đổi, anh M ở nhà trong làng, vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị V bỏ ra khu vực chuyển đổi ở đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh M không còn đề nghị Tòa án tích cực hòa giải để chị V và anh M đoàn tụ, nếu không được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V ly hôn anh M (Bút lục 35-36).

Như vậy, chị V xin ly hôn anh M là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Bản thân anh M không có bất kỳ biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, thậm chí chị V kiên quyết xin ly hôn thì anh có thái độ bỏ mặc cũng như không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là anh tự tước bỏ đi quyền của mình. Căn cứ Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị V xin ly hôn anh Bùi Văn M.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Đoàn Thị V và anh Bùi Văn M đều xác định: Vợ chồng có 04 con chung là Bùi Thị H1, sinh năm 1992, Bùi Thị P, sinh năm 1994, Bùi Thu H2, sinh năm 1997, Bùi Hương G, sinh ngày 09/7/2002. Do cháu H1 đã có gia đình riêng, cháu P, cháu H2 đã trưởng thành, có công việc riêng nên anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết anh M nhất trí giao con chung là cháu G cho chị V nuôi dưỡng và nhất trí với sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Phù hợp với nguyện vọng của cháu G muốn được ở với chị V (Bút lục 28).

HĐXX xét thấy: Cần chấp nhận yêu cầu của Đoàn Thị V giao con chung là Đào Bùi Hương G, sinh ngày 09/7/2002 cho chị V nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83- Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đoàn Thị V và anh Bùi Văn M đều xác định tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đoàn Thị V chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82,83- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị V ly hôn anh Bùi Văn M.

Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Đoàn Thị V nuôi dưỡng con chung là Bùi Hương G, sinh ngày 09/7/2002. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V về việc không yêu cầu anh Bùi Văn M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Đoàn Thị V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/004679, ngày 27/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273- BLTTDS.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/4/2019).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện N (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quý Long